TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN H** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2022
V/v: tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN H, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Đông

2. Ông Trần Đạt Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp nuôi con của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Ng, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Mỹ L, huyện Cầu Ng, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn T, sinh năm 196. Địa chỉ: ấp Sóc R, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

- *Con chung:* Cháu Cao Thị Như Ng, sinh ngày 23/4/2006 và cháu Cao Ngọc H, sinh ngày 06/11/2008.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2022, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cao Thị Ng trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, năm 2005 bà và ông T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn nguyên nhân nghĩ là nếu sau này muốn ly hôn thì không phải ra Tòa. Sau khi cưới bà sinh sống ở hai nơi, vào mùa hái đậu phọng bà sinh sống ở huyện Cầu Ng 06 tháng, 06 thàng còn lại bà sinh sống bên nhà chồng tại xã Ngũ L, huyện Duyên H. Nhưng do xảy ra mâu thuẫn nên bà và

ông T không còn sống chung cách nay khoảng 05 năm, bà chuyển về sinh sống hẳn ở huyện Cầu Ng cùng 02 con chung, ông T một mình sinh sống tại xã Ngũ L, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không chịu cùng làm kinh tế lo cho gia đình, bao nhiêu đất đai của cha mẹ để lại ông bán tự tiêu xài cá nhân hết, giờ chỉ còn phần nền nhà gắn liền với đất mà ông T đang sinh sống, cảm thấy sống chung ông T không có tương lai nên bà quyết định yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng để bà yên tâm chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà và ông T.

Về con chung, bà và ông T có 02 con chung tên Cao Thị Như Ng, sinh ngày 23/4/2006 hiện đang học lớp 11 tại Trường THCS Cầu Ng A và tên Cao Ngọc H, sinh ngày 06/11/2008 hiện học lớp 9 tại Trường THCS Mỹ L. Bà yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu dưỡng, với công việc làm thuê hiện nay bà có khả năng và đủ điều kiện đảm bảo nuôi con.

Về quyền tài sản chung, có nhà, đất của bên ông T cho (là nhà đất ông T đang ở sinh sống) cùng với vật dụng sinh hoạt trong nhà và 01 xe mô tô ông T quản lý sử dụng, bà đồng ý giao hết toàn bộ tài sản này cho ông T sở hữu, không yêu cầu giải quyết chia khi ly hôn.

Về nghĩa vụ tài sản chung, không có nên bà không có yêu cầu gì.

Bị đơn ông Hà Văn T vắng mặt nên không có lời khai.

Con chung cháu Cao Thị Như Ng, sinh ngày 23/4/2006 và cháu Cao Ngọc H, sinh ngày 06/11/2008 cùng trình bày cho rằng từ nhỏ 02 cháu ở và sinh sống bên ngoại ở huyện Cầu Ng cùng với mẹ, ngoại, các dì và đi học nên có nguyện vọng yêu cầu được ở sinh sống chung tiếp với bà Cao Thị Ng.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn thì không chấp hành, vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện, bà Ng và ông T tự nguyện tổ chức đám cưới với nhau mà không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân, con chung có 02 đứa bà Ng yêu cầu nuôi; tài sản chung không yêu cầu, nợ chung thì không có. Qua đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: nhận thấy, bà Ng và ông T không đăng ký kết hôn với nhau nên không được công nhận là vợ chồng, nguyên nhân bà Ng yêu cầu ly hôn là vì sống chung xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 14, 15, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia

đình và điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân, đề nghị không công nhận bà Ng và ông T là vợ chồng.

Về con chung, đề nghị giao hai con chung Cao Thị Như Ng, sinh ngày 23/4/2006 và Cao Ngọc H, sinh ngày 06/11/2008 cho bà Ngân nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai con, bà Ng không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị không giải quyết.

Về tài sản chung, bà Ng không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về nợ chung, bà Ng khai không có nên đề nghị không giải quyết.

Án phí đề nghị buộc nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bà Cao Thị Ng là đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng ông Hà Văn T vắng mặt đến lần thứ hai không lý do mà không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Xét thấy việc cấp, tống đạt thông báo, quyết định, giấy triệu tập đối với ông T thực hiện niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đương sự đi làm vắng nhà không rõ thời điểm trở về và vẫn còn cư trú tại địa phương, căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời khai của bà Cao Thị Ng cho rằng không có đăng ký kết hôn với ông T mà chỉ tổ chức lễ cưới năm 2005. Quá trình sinh sống chung nguyên nhân mâu thuẫn do ông Hà Văn T không trách nhiệm cùng lo kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng cự cải, không hạnh phúc, không còn tình cảm thương yêu nhau. Đối với ông T trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án có thông báo để giải quyết hậu quả của việc sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn về con chung, quyền nghĩa vụ tài sản chung, nhưng ông vắng mặt và không có văn bản phản đối. Xét hôn nhân của ông T với bà Ng là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, có cháu Cao Thị Như Ng, sinh ngày 23/4/2006 và cháu Cao Ngọc H, sinh ngày 06/11/2008 đều đủ 07 tuổi, bà Ng yêu cầu nuôi, Tòa án có giải thích về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng bà Ng không yêu cầu. Xét việc bà Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đối với ông T không có văn bản phản đối hoặc có yêu cầu về con chung, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, vào nguyện vọng của hai cháu yêu cầu ở với bà Ng, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho bà Ng nuôi là thỏa đáng.

[4] Về quyền chung tài sản, bà Ng không yêu cầu, ông T không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu gì khác nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung tài sản, bà Ng khai không có, ông T không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu gì khác nên không giải quyết.

[6] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, 15, 51, 53, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liện tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Ng.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Cao Thị Ng và ông Hà Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Thị Như Ng, sinh ngày 23/4/2006 và cháu Cao Ngọc H, sinh ngày 06/11/2008 cho bà Cao Thị Ng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Cao Thị Ng chịu án án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0009500 ngày 08/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, nên Cao Thị Ng không phải nộp tiếp.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên H;
- Chi cục THADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Kim Thị Hồng Nga